

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 56^A/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26/6/2020
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiền

Ông Đinh Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 630/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đặng Thị T trình bày: Sau thời gian tìm hiểu chị và anh Nguyễn Thanh S kết hôn với nhau, đám cưới được tổ chức vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phú, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. Từ lúc về chung sống với nhau anh S ham mê cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, nhiều lần chị phải đứng ra trả nợ cờ bạc thay cho anh S, do không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh S không thay đổi. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/12/2007 và Nguyễn Gia K, sinh ngày 19/10/2009, chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến bằng văn bản về việc chị T xin ly hôn với anh. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa phát biểu về trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh S, giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị T có đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua tìm hiểu, chị T và anh S được gia đình tổ chức lễ cưới và kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận số 68, quyển số 01 ngày 04/6/2007. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, chị T khai do anh S ham mê cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, nhiều lần chị phải đứng ra trả nợ cho anh S, do không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh S không nghe. Ngoài ham chơi cờ bạc, anh S còn nghiện ma túy, đã cai nghiện xong vào năm 2017 nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, khắc phục được do tính tình anh S không thay đổi nên anh chị đã ly thân từ hơn 3 năm nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị T và anh S thật sự trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn được. Bởi lẽ, tại biên bản xác minh ngày 19/5/2020 thì ông Lê Hồng Phong, trưởng ấp Bình

Quới, xã Bình Phú cho biết anh S chỉ ăn chơi, không lo làm ăn và nghiện ma túy, điều này chứng tỏ anh chị không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án chị T cương quyết xin ly hôn, còn anh S thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn với anh nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu của chị T.

[3] Con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/12/2007 và Nguyễn Gia K, sinh ngày 19/10/2009. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 13/5/2020 hai cháu có nguyện vọng ở với mẹ và trong quá trình giải quyết vụ án anh S cũng không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị T. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu Gia H và Gia K cho chị T trực tiếp nuôi sẽ đảm bảo quyền lợi cho hai cháu, anh S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa có yêu cầu.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Chị T và anh S được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị T.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

2. Con chung: Giao hai cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/12/2007 và Nguyễn Gia K, sinh ngày 19/10/2009 cho chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi, anh Nguyễn Thanh S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 17390 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Đặng Thị T đã thi hành xong phần án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản

án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Phú
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Phượng